

Số: 11 /HĐTD-TB

TP.Thái Nguyên, ngày 22 tháng 12 năm 2014

**THÔNG BÁO**

**Danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức cấp xã  
thành phố Thái Nguyên năm 2014**

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 19/9/2014 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc tuyển dụng công chức xã, phường thành phố Thái Nguyên năm 2014;

Căn cứ kết quả điểm thi tuyển công chức cấp xã thành phố Thái Nguyên năm 2014 tại Thông báo số 07/HĐTD-TB ngày 25/11/2014 của Hội đồng tuyển dụng,

Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã thành phố Thái Nguyên năm 2014 thông báo:

1. Danh sách 10 thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển công chức cấp xã thành phố Thái Nguyên năm 2014.

(Có danh sách kèm theo)

2. Thí sinh trúng tuyển công chức đến phòng Nội vụ thành phố Thái Nguyên để hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển. Điện thoại liên hệ: 02823 855683.

Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã thông báo để các thí sinh trúng tuyển biết thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Thí sinh trúng tuyển;
- Hội đồng thi tuyển CC;
- Lưu: VT, NV

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
  
**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TP**  
**Quản Chí Công**

# DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ TP THÁI NGUYÊN NĂM 2014

(Kèm theo Thông báo số 11/HĐTD -TB ngày 22/12/2014 của HĐ tuyển dụng công chức cấp xã)

| STT                                                                                                                               |   | Họ và tên         |  Đơn vị trúng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Trình độ | Môn Kiến thức | Môn chuyên ngành | Môn trắc nghiệm CN | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Môn TN tin học | Ghi chú   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------|---------------|------------------|--------------------|--------------|-----------|----------------|-----------|
| Chức danh Địa chính xây dựng đô thị và môi trường (Đối với phường) hoặc Địa chính nông nghiệp xây dựng và môi trường (đối với xã) |   |                   |                                                                                                      |                     |          |               |                  |                    |              |           |                |           |
| 1                                                                                                                                 | 1 | Ngô Thị Ngọc Mơ   | Túc Duyên                                                                                            | 27/1/1990           | ĐH       | 88            | 73               | 80                 |              | 314       | 84             | Chuyển NV |
| 2                                                                                                                                 | 2 | Ma Thị Trang      | Lương Sơn                                                                                            | 19/2/1991           | ĐH       | 93            | 52               | 64                 | 20           | 281       | 76             |           |
| 3                                                                                                                                 | 3 | Dương Thanh Tú    | Tích Lương                                                                                           | 6/7/1987            | Th sỹ    | 89,5          | 81               | 68                 |              | 319,5     | 92             |           |
| 4                                                                                                                                 | 4 | Phùng Kim Yển     | Hoàng Văn Thụ                                                                                        | 21/11/1990          | ĐH       | 94            | 66               | 82                 |              | 308       | 88             |           |
| Chức danh Tư pháp hộ tịch                                                                                                         |   |                   |                                                                                                      |                     |          |               |                  |                    |              |           |                |           |
| 5                                                                                                                                 | 1 | Trần Xuân Mạnh    | Tích Lương                                                                                           | 18/5/1982           | ĐH       | 51            | 85               | 92                 | 20           | 333       | 68             |           |
| 6                                                                                                                                 | 2 | Mạc Đình Thái     | Tân Thành                                                                                            | 12/11/1990          | ĐH       | 69            | 96               | 80                 | 20           | 361       | 76             |           |
| Chức danh Văn hoá xã hội                                                                                                          |   |                   |                                                                                                      |                     |          |               |                  |                    |              |           |                |           |
| 7                                                                                                                                 | 1 | Lê Thị Nhung      | Tân Cương                                                                                            | 3/8/1991            | ĐH       | 72,5          | 59               | 72                 | 20           | 282,5     | 80             |           |
| 8                                                                                                                                 | 2 | Lý Thị Thanh Thúy | Tân Thành                                                                                            | 5/12/1982           | ĐH       | 84            | 95,5             | 88                 | 20           | 383       | 84             |           |
| Chức danh Văn phòng Thống kê                                                                                                      |   |                   |                                                                                                      |                     |          |               |                  |                    |              |           |                |           |
| 9                                                                                                                                 | 1 | Trần Thị Mai Anh  | Trung Thành                                                                                          | 15/6/1990           | ĐH       | 81,5          | 67,5             | 92                 |              | 308,5     | 88             |           |
| 10                                                                                                                                | 2 | Lê Thị Hà         | Gia Sàng                                                                                             | 5/4/1988            | ĐH       | 91            | 95               | 84                 |              | 365       | 100            |           |